

**CÔNG TY CỔ PHẦN THI CÔNG CƠ GIỚI PTS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THI CÔNG CƠ GIỚI PTS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PTS MACHINERIES CONSTRUCTION  
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502321436

**3. Ngày thành lập:** 23/11/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 1 ấp Ông Trịnh, Xã Tân Phước, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Khai thác phụ gia xi măng Puzzolan                                                                                                                                    | 0899                                                         |
| 2.  | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                                                                                                     | 0129                                                         |
| 3.  | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                                | 0322                                                         |
| 4.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>Chi tiết: Vận tải đường sông bằng xà lan                                                                                                                                            | 5022                                                         |
| 5.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                                                    | 0119                                                         |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                 | 4290(Chính)                                                  |
| 7.  | Trồng rừng và chăm sóc rừng                                                                                                                                                                                                | 0210                                                         |
| 8.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                             | 4933                                                         |
| 9.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị thi công cơ giới                                                                                                               | 7730                                                         |
| 10. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                            | 0810                                                         |
| 11. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Dịch vụ cảng và bến xăng; Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                   | 5224                                                         |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                          | 4312                                                         |
| 13. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Kinh doanh kho bãi                                                                                                                                                                | 5210                                                         |
| 14. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                      | 4100                                                         |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                     | 4311                                                         |
| 16. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                  | 4210                                                         |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                    | 4663                                                         |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị thi công cơ giới                                                                                                                    | 4659                                                         |
| 19. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng                                                                                                       | 4661                                                         |
| 20. | (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)<br>Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định tại phụ lục IV Luật đầu tư 2014 | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI VĂN THẢO     | Xóm Thượng, Xã Liên Minh, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                              | Cổ phần phổ thông | 250.000    | 2.500.000.000         | 25,000    | 160118692                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                              | Tổng số           | 250.000    | 2.500.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐỖ THI THU       | Số 115/46/17 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 15,000    | 273188362                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                              | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN NGỌC SÁNG | Tổ 3 khu phố 5, Phường Long Tâm, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 30,000    | 031022682                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                              | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | ĐỖ VĂN NHANH     | Tổ 11, khu phố Hải Dinh, Phường Kim Dinh, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 15,000    | 273649997                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                              | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | TRƯƠNG VĂN TUỒNG | Khu phố Long An, Thị trấn Long Điền, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 15,000    | 273530414                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                              | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 23/11/2016 đến ngày 23/12/2016

\* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC SÁNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 27/02/1972

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 031022682

Ngày cấp: 07/02/2003

Nơi cấp: *Công an thành phố Hải Phòng*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 3 khu phố 5, Phường Long Tâm, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 3 khu phố 5, Phường Long Tâm, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu